TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2020.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Bà Cao Thị Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị Đ, sinh năm 1994
Địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- *Bị đơn*: Huỳnh Phước D, sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn là chị Trần Thị Đ trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Huỳnh Phước D tự nguyện sống chung vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn không lo làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Huỳnh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2016, hiện do nguyên đơn nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh T, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 19 tháng 02 năm 2020, bị đơn là anh Huỳnh Phước D có lời trình bày hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: Đồng ý giao cháu Trần Huỳnh T cho nguyên đơn nuôi dưỡng; về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mâu thuẫn phát sinh giữa các đương sự là do phía bị đơn không quan tâm, chăm sóc gia đình, chứng tỏ rằng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ người chồng trong việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 11, 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 14, 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về con chung: Xét con chung của các đương sự là cháu Trần Huỳnh T đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ năm 2018 đến nay nên không cần

phải xáo trộn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản: Các đương sự cùng cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 11, 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 14, 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Đ và anh Huỳnh Phước D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Đ và anh Huỳnh Phước D về việc giao cháu Trần Huỳnh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2016 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Phước D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002523 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Hữu Thắng